

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực thực hiện
nhiệm vụ phòng thủ dân sự cho lực lượng Bộ đội địa phương,
Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

Căn cứ Luật số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 ngày 08/6/2018;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 ngày 21/12/1999 về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;

Căn cứ Luật số 52/2024/QH15 ngày 28/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;

Căn cứ Luật Lực lượng Dự bị động viên số 53/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật số 98/2025/QH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 01/3/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về Phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Nghị quyết số 3589-NQ/QUTW ngày 20/3/2025 của Quân ủy Trung ương về nâng cao năng lực hoạt động Phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai ban hành hướng dẫn xây dựng và củng cố Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 371/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 ban hành danh mục trang thiết bị phòng thủ dân sự; số 1217/QĐ-TTg ngày 20/10/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng thủ dân sự; số 44/QĐ-TTg ngày 23/5/2024 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng thủ dân sự; số 535/QĐ-TTg ngày 20/5/2025 về phê duyệt Đề án phát triển, nâng cao năng lực ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-BQP ngày 13/3/2024 của Bộ Quốc phòng về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển, nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 thuộc lĩnh vực Bộ Quốc phòng quản lý;

Căn cứ Chương trình hành động số 11-Ctr/TU ngày 28/02/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX;

Căn cứ Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX;

Căn cứ Kết luận số 130-KL/TU ngày 25/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương ban hành các Đề án về lĩnh vực quân sự, quốc phòng;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Tờ trình số 78/TTr-BCH ngày 08/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ Phòng thủ dân sự cho lực lượng Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”.

Điều 2. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; thường xuyên tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia
 - Bộ Quốc phòng
 - Bộ Tư lệnh Quân khu 4
 - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Các sở: TC, NNMT, KHCH, YT, CT, XD;
 - Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng;
 - Đảng ủy các xã, phường;
 - Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 1,2,3,4,5;
 - Lưu: VT, TDNC.
- (để b/cáo);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

ĐỀ ÁN

**Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự
cho lực lượng Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, thường xuyên phải đối mặt với nhiều loại hình thiên tai với tần suất, quy mô và mức độ ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng, vượt quá năng lực ứng phó hiện có. Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế - xã hội nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm nảy sinh nhiều nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa khó lường. Chỉ tính riêng năm 2024, ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi) tại Việt Nam đã làm chết và mất tích 345 người, bị thương 1.976 người, thiệt hại về kinh tế hơn 84 nghìn tỷ đồng.

Tỉnh Thanh Hóa là địa phương chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai xảy ra ở Việt Nam; trong đó, nhiều nhất là bão, đông lạnh, lũ lụt, sạt lở đất, gây thiệt hại lớn về người và tài sản, làm biến động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh¹.

Những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm đến công tác phòng thủ dân sự (PTDS); nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PTDS đã được ban hành. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo Bộ đội địa phương (BĐDP), Dân quân tự vệ (DQTV), Dự bị động viên (DBĐV) phát huy vai trò nòng cốt, xung kích trong công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai; quan tâm đầu tư nguồn lực, xây dựng lực lượng, mua sắm trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ. Do vậy, năng lực thực hiện nhiệm vụ của lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, chuyển dần từ bị động sang chủ động phòng ngừa, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao; xứng đáng là “đội quân chiến đấu”, “đội quân công tác” và “đội quân lao động sản xuất”, lực

¹ Trong 5 năm qua, các sự cố, thiên tai đã làm 89 người chết và mất tích, bị thương 31 người, thiệt hại toàn tỉnh ước khoảng trên 5.759 tỷ đồng. Trong đó, năm 2021 làm 36 người chết và mất tích, 16 người bị thương, thiệt hại gần 136 tỷ đồng; năm 2022 làm 18 người chết và mất tích, thiệt hại khoảng 679 tỷ đồng; năm 2023, làm 08 người chết thiệt hại khoảng 300 tỷ đồng; năm 2024 làm 19 người chết và mất tích, 03 người bị thương, thiệt hại gần 1.104 tỷ đồng. Năm 2025 thiệt hại do bão số 3 khoảng hơn 380 tỷ đồng; bão số 5 làm 2 người chết, 6 người bị thương, thiệt hại khoảng 1.600 tỷ đồng; đặc biệt bão số 10 gây thiệt hại nghiêm trọng làm 6 người chết, 6 người bị thương, thiệt hại đến thời điểm hiện tại ước khoảng 1.560 tỷ đồng.

lượng tin cậy của cấp uỷ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhất là sau khi thực hiện Đề án PTDS giai đoạn 2021 - 2025.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ vẫn còn bộc lộ một số bất cập, hạn chế, như: Nhận thức về phòng chống thiên tai (PCTT) của cộng đồng ở một số nơi còn hạn chế; trang bị, phương tiện bảo đảm cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ còn thiếu, chưa có trang bị trinh sát, ghi hình cho người chỉ huy điều hành, xử lý tình huống; việc bố trí các nhà kho và bảo đảm lương dự trữ lương thực, thực phẩm, trang bị tại các vùng thường xuyên bị chia cắt, cô lập chưa bảo đảm kịp thời khi có tình huống xảy ra; công tác khắc phục hậu quả ở một số địa phương còn chậm dẫn đến thiệt hại về người và tài sản của Nhà nước, Nhân dân.

Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực, trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định; biến đổi khí hậu gây ra sự cố, thiên tai, dịch bệnh khó lường; nguy cơ xảy ra các sự cố, thảm họa khó dự báo, vượt mức lịch sử, vượt quá năng lực ứng phó hiện tại. Khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và các mặt bảo đảm cho nhiệm vụ PTDS của chính quyền cấp xã gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt các đơn vị miền núi, trung du. Trước những yêu cầu nặng nề, đòi hỏi lực lượng nòng cốt là BĐDP, DQTV, DBĐV phải được xây dựng vững mạnh toàn diện, có đủ trình độ, năng lực ứng phó, khả năng phối hợp, hiệp đồng và được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất để hoàn thành nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra; đồng thời, cũng là điều kiện cần thiết để chuẩn bị cho công tác sẵn sàng ứng phó với các tình huống ở cấp độ cao hơn, khi đất nước có chiến tranh.

Trước diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thiên tai, việc tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ PTDS cho lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030” là thực sự cần thiết, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài, nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX và Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã;

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về PTDS đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

- Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Thanh Hóa năm 2025;
- Nghị quyết số 3589-NQ/QUTW ngày 20/3/2025 của Quân ủy Trung ương về nâng cao năng lực hoạt động PTDS đến năm 2030 và những năm tiếp theo;
- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
- Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XX;
- Kết luận số 130-KL/TU ngày 25/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương ban hành các Đề án lĩnh vực quân sự, quốc phòng;
- Chương trình hành động số 11-Ctr/TU ngày 28/02/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị;
- Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX;
- Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023;
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
- Luật số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
- Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 ngày 08/6/2018;
- Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 ngày 21/12/1999;
- Luật số 52/2024/QH15 ngày 28/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;
- Luật Lực lượng Dự bị động viên số 53/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019;
- Luật số 98/2025/QH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;
- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 01/3/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về Phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo;
- Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Luật Phòng thủ dân sự;

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã;

- Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

- Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai ban hành hướng dẫn xây dựng và củng cố Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã;

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 371/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 ban hành danh mục trang thiết bị phòng thủ dân sự; số 1217/QĐ-TTg ngày 20/10/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng thủ dân sự; số 44/QĐ-TTg ngày 23/5/2024 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng thủ dân sự; số 535/QĐ-TTg ngày 20/5/2025 về phê duyệt Đề án phát triển, nâng cao năng lực ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045;

- Quyết định số 934/QĐ-BQP ngày 13/3/2024 của Bộ Quốc phòng về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển, nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 thuộc lĩnh vực Bộ Quốc phòng quản lý;

- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 09/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII về việc quyết định mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Công văn số 22/QK-TM ngày 06/01/2026 của Bộ Tư lệnh Quân khu 4 về việc thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự cho lực lượng Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030”.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi áp dụng

- Đề án xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao năng lực trong công tác PTDS cho lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV; xây dựng và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Thời gian thực hiện đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Đề án áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Phần thứ hai
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PTDS VÀ ỨNG PHÓ SỰ
CÓ THIÊN TAI, TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA BĐDP, DQTV, DBĐV
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN CỦA TRUNG ƯƠNG, TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ PTDS cũng như vị trí, vai trò nòng cốt của lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV; trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương liên quan đến việc sử dụng lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV trong thực hiện nhiệm vụ PTDS, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (UPSCTT và TKCN).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch hành động số 200-KH/TU ngày 29/5/2020 về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XII) về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về PTDS và các văn bản về công tác UPSCTT và TKCN. Để sử dụng có hiệu quả lực lượng nòng cốt là BĐDP, DQTV, DBĐV trong thực hiện nhiệm vụ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ PTDS, UPSCTT và TKCN cho lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025” (sau đây viết tắt là Đề án PTDS giai đoạn 2021 - 2025).

Triển khai thực hiện Đề án PTDS giai đoạn 2021 - 2025, các sở, ngành, địa phương đã luôn quan tâm, triển khai, thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Cơ quan thường trực về PTDS đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về PTDS, đề ra nhiều giải pháp đồng bộ, phù hợp, nhất là trong chỉ đạo việc dự báo tình hình; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ PTDS của các cơ quan, đơn vị, địa phương; khi có các sự cố, thiên tai xảy ra trên địa bàn đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, chỉ đạo các đơn vị BĐDP, DQTV, DBĐV kịp thời triển khai các biện pháp khẩn cấp, xử lý, khắc phục hậu quả, giảm thiểu tối đa thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác xây dựng lực lượng

Quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước, các quy định pháp luật về xây dựng lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV trong giai đoạn mới vững mạnh toàn diện, bảo đảm có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu cao, là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu tuyệt đối trung thành, tin cậy

của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xung kích đi đầu, ứng phó hiệu quả với các tình huống trên địa bàn.

Thực hiện Đề án PTDS giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh, chỉ đạo các địa phương, đơn vị xây dựng được 4.357 tổ, 648 đội cơ động, UPSCCTT và TKCN của lực lượng BĐBP, DQTV, DBĐV các cấp với quân số 32.653 đồng chí. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, cơ chế hoạt động được phát huy; cơ quan chỉ đạo, chỉ huy điều hành được kiện toàn về tổ chức, biên chế; các lực lượng ứng phó đã phát huy tốt trách nhiệm, năng lực công tác, củng cố theo hướng chuyên môn hóa, chuyển dần từ bị động sang chủ động phòng ngừa, nên thiệt hại về người và tài sản đã giảm so với giai đoạn trước đây, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

2. Công tác bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập và bảo đảm trang bị

- **Công tác bồi dưỡng, tập huấn:** Từ năm 2021 - 2025, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tổ chức 14 lớp tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ về công tác PTDS, UPSCCTT và TKCN cho cán bộ thuộc lực lượng BĐBP, DQTV, DBĐV được giao nhiệm vụ tham gia PTDS, với quân số hơn 14.200 đồng chí.

- **Công tác huấn luyện, diễn tập:** Hàng năm, tổ chức huấn luyện, diễn tập theo đúng nội dung, chương trình, thời gian quy định. Tập trung huấn luyện nâng cao nhận thức cho cán bộ chuyên môn, các đối tượng liên quan về nhiệm vụ PTDS; công tác chỉ huy, phối hợp hiệp đồng; các kỹ năng phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả về thảm họa, sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; phương pháp sử dụng trang thiết bị PTDS sát với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và nhiệm vụ của đơn vị.

Trong nhiệm kỳ 2021 - 2025, đã tổ chức thành công 01 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh năm 2022; chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện cho 27/27 huyện, thị xã, thành phố (trước đây); tổ chức 12 cuộc diễn tập phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy rừng, ứng phó sập đổ công trình cấp huyện; 100% đơn vị cấp xã tổ chức diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ; các cuộc diễn tập đều lồng ghép nội dung vận hành cơ chế lãnh đạo và thực hành xử lý các tình huống về PTDS.

- **Công tác bảo đảm vật chất, trang thiết bị, phương tiện:** Cùng với việc bảo đảm vật chất, trang bị cho các lực lượng từ Ủy ban Quốc gia UPSCCTT - TKCN và Bộ Quốc phòng; UBND tỉnh đã quan tâm bố trí kinh phí gần 32 tỷ đồng để mua sắm vật chất, phương tiện phục vụ công tác PTDS cho BĐBP, DQTV, DBĐV; qua đó, đã nâng cao năng lực, ứng phó, khắc phục sự cố của các lực lượng, góp phần giảm thiểu thiệt hại thấp nhất về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

3. Hoạt động PTDS

Chỉ đạo ban hành đầy đủ hệ thống văn bản pháp lý về PTDS; thường xuyên kiện toàn cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, thực hiện nghiêm quy chế hoạt động; xây dựng hệ thống kế hoạch, phương án ứng phó đồng bộ, cụ thể, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra; các lực lượng đã chủ động nắm chắc địa bàn, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị của Bộ Quốc phòng, Quân

khu 4 đứng chân trên địa bàn, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống về sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

Trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; hàng năm, tỉnh đã huy động hơn 250 nghìn lượt cán bộ, chiến sỹ BĐBP, DQTV, DBĐV phối hợp với lực lượng Công an và lực lượng khác tham gia trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, canh gác, bảo vệ, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông; chủ động đề xuất tham mưu xử lý có hiệu quả các vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở, góp phần giữ vững môi trường ổn định để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Kết quả trong 05 năm triển khai, thực hiện Đề án PTDS giai đoạn 2021 - 2025 đã khẳng định được vị trí, vai trò nòng cốt của lực lượng BĐBP, DQTV, DBĐV; trình độ, năng lực ứng phó của các lực lượng đã nâng lên rõ rệt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của Nhà nước và Nhân dân².

III. HẠN CHẾ, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, bất cập

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân dân về công tác PTDS còn hạn chế; thông tin, cảnh báo cho người dân ở một số vùng miền núi chưa kịp thời.

- Trong ứng phó tình huống sự cố, thiên tai phức tạp, bất ngờ xảy ra, công tác tham mưu của một số bộ phận còn lúng túng; hiệp đồng, xử lý tình huống còn chậm gây khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành.

- Trên các hướng, khu vực thường xuyên bị chia cắt, cô lập do thiên tai, sự cố xảy ra thực hiện phương châm “4 tại chỗ” của các địa phương chưa bảo đảm, nhất là bảo đảm phương tiện, vật tư, lương hậu cần dự trữ; do vậy, khi có tình huống xảy ra, chi viện của tỉnh đến các địa bàn bị ảnh hưởng bị chậm, gây thiệt hại không nhỏ cho địa phương.

- Bảo đảm vật chất, trang thiết bị, phương tiện cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thiếu các trang bị quan sát, ghi hình, thông báo, báo động phục vụ chỉ huy điều hành, trang bị cứu hộ, cứu nạn ở vị trí tiếp cận khó khăn (flycam); phương tiện cứu hộ sập đổ công trình (xe cẩu); phương tiện (tàu) cơ động, tìm kiếm cứu nạn ra đảo Mê, đảo Nẹ cũ, gần hết niên hạn sử dụng.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu dẫn đến diễn biến bất thường của thời tiết nên công tác dự báo, cảnh báo gặp nhiều khó khăn và công tác ứng phó còn bị động.

² Giai đoạn 2021 - 2025, đã huy động trên 97.900 lượt ngày công cán bộ, chiến sỹ (BĐBP: 12.250 đ/c, BĐBP: 22.400 đ/c, DQTV: 63.250 đ/c) cùng hàng nghìn lượt phương tiện, trang bị; tham gia tìm kiếm, cứu nạn 76 nạn nhân; hướng dẫn được 207.050 lượt phương tiện/1.714.230 lượt lao động vào bờ trú tránh bão an toàn, lai dắt 76 tàu cá bị nạn vào bờ và trực vớt 25 tàu chìm; phối hợp di dời hơn 12.400 hộ dân các khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn; giúp các địa phương tổng dọn vệ sinh 57 trường học, điểm trường, các công trình công cộng; khắc phục nhiều sự cố sạt lở, dề kê, giao thông; dọn dẹp 825 nhà cửa bị bùn, đất đá do ngập lụt; thu hoạch lúa trên 38,5 ha; khám, chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí 16 lượt...

- Địa bàn rộng, thường xuyên chịu tác động trực tiếp nhiều loại hình sự cố, thiên tai; các thiên tai, sự cố hàng năm tiếp tục gia tăng cả về tần suất, phạm vi và mức độ nghiêm trọng, khó lường, khó dự đoán.

- Hệ thống văn bản pháp luật, quy định, hướng dẫn về PTDS còn bất cập, chưa hoàn thiện.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác phối hợp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân phòng ngừa sự cố thiên tai chưa tích cực. Một bộ phận cán bộ, Nhân dân còn chủ quan, xem nhẹ công tác phòng, chống thiên tai.

- Công tác phối hợp chỉ đạo, chỉ huy, điều hành giữa cơ quan quân sự với các ban, ngành, địa phương có lúc chưa chặt chẽ; chưa phát huy hết vai trò của các cơ quan trong tham mưu, chỉ đạo, kiểm tra, rút kinh nghiệm.

- Chưa có đủ lượng dự trữ lương thực, thực phẩm, trang bị cho các khu vực, địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, bị cô lập, chia cắt; đầu tư trang bị, vật chất bảo đảm cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ còn thiếu, trang bị còn thô sơ, dẫn đến chất lượng, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chưa cao.

- Việc bố trí ngân sách bảo đảm huy động lực lượng tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập, mua sắm trang bị cho lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Trong 05 năm triển khai và thực hiện Đề án PTDS giai đoạn 2021 - 2025, lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV của tỉnh đã phát huy tốt vai trò nòng cốt, xung kích trong thực hiện nhiệm vụ, năng lực ứng phó sự cố, thiên tai đã được nâng lên rõ rệt; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, góp phần giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã khẳng định được vị trí, vai trò, tính kỷ luật, ý thức trách nhiệm, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, thực sự là “*Đội quân chiến đấu*”, “*Đội quân công tác*”, “*Đội quân lao động sản xuất*”. Tuy nhiên, để phát huy hết khả năng trong thực hiện nhiệm vụ PTDS; lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; có trình độ, năng lực và được trang bị đầy đủ vật chất, trang bị, phương tiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là: Cấp ủy, chính quyền địa phương, chỉ huy các đơn vị BĐDP, DQTV, DBĐV phải thường xuyên quán triệt nhiệm vụ PTDS là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và chủ động, triển khai thực hiện.

Hai là: Chủ động nắm chắc địa bàn, xây dựng hệ thống kế hoạch, phương án ứng phó có tính khả thi cao, phù hợp điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị.

Ba là: Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, các đội cơ động, tổ xung kích của lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV vững mạnh, được tập huấn, huấn luyện,

diễn tập đầy đủ sát tình hình thực tế để nâng cao năng lực chỉ huy điều hành, khả năng ứng phó, trình độ sử dụng trang bị, phương tiện của cán bộ, chiến sỹ trong xử lý các tình huống trên địa bàn.

Bốn là: Bảo đảm đầy đủ trang, thiết bị làm nhiệm vụ cho các lực lượng; bảo đảm tốt lượng dự trữ, dự phòng trên từng hướng, từng khu vực, nhất là những địa bàn trọng điểm; thường xuyên quan tâm bảo đảm đầy đủ chế độ chính sách cho các lực lượng.

Năm là: Tổ chức thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ”; phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng đứng chân trên địa bàn, sẵn sàng chuẩn bị lực lượng, phương tiện kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống.

Sáu là: Định kỳ hàng năm sơ kết, tổng kết, kịp thời rút kinh nghiệm; bổ sung, điều chỉnh phương án ứng phó sát với tình hình và yêu cầu nhiệm vụ.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Nhiệm vụ PTDS là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, điều hành của chính quyền địa phương; trong đó, lực lượng BDDP, DQTV, DBDV là lực lượng nòng cốt.

- Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng BDDP, DQTV, DBDV là sự cụ thể hóa các quy định của pháp luật về công tác phòng chống sự cố thiên tai, thảm họa; phù hợp tình hình thực tế tại địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ cho lực lượng BDDP, DQTV, DBDV phải trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được; đồng thời, khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ PTDS theo phương châm “4 tại chỗ”; lấy chủ động phòng ngừa là chính, đồng thời phải sẵn sàng ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng lực lượng BDDP, DQTV, DBDV vững mạnh toàn diện, có số lượng hợp lý, tổ chức quản lý chặt chẽ và duy trì hoạt động thường xuyên; có trình độ, năng lực, khả năng phối hợp, hiệp đồng, ứng phó xử lý kịp thời các tình huống phức tạp, phạm vi rộng; trang bị đầy đủ vật chất, trang thiết bị, phương tiện, góp phần giảm thiểu thiệt hại thấp nhất về người và tài sản trên địa bàn, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước sự cố, thiên tai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Tổ chức lực lượng tham gia phòng thủ dân sự

- 100% thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh có lực lượng Dân quân tham gia tổ xung kích tại chỗ.
- 100% xã, phường có lực lượng DQTV tham gia các tổ, đội xung kích.
- 100% Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV cấp tỉnh tham gia các đội cơ động.

b) Về chất lượng

- Xây dựng lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, uy tín và khả năng tập hợp, vận động quần chúng xử lý linh hoạt các tình huống về sự cố thiên tai, thảm họa theo phương châm “4 tại chỗ”, không để bị động, bất ngờ.
- Nâng cao năng lực tham mưu, chỉ huy, điều hành và phối hợp, hiệp đồng cho cán bộ cơ quan quân sự cấp tỉnh, cấp xã về công tác PTDS; khả năng dự báo, thông báo, báo động; khả năng ứng phó nhanh của các lực lượng khi có tình huống; lực lượng xung kích, cơ động chủ công của địa phương trong thực hiện nhiệm vụ PTDS.
- Cán bộ, chiến sỹ tham gia thực hiện nhiệm vụ được trang bị kiến thức, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ và sử dụng thành thạo phương tiện, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ PTDS.

c) Về trang bị, phương tiện

Mua sắm trang thiết bị phục vụ huấn luyện, diễn tập và thực hiện nhiệm vụ PTDS bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng địa bàn, các loại hình thiên tai; phấn đấu đến hết năm 2030, bảo đảm 100% trang thiết bị, phương tiện theo quy định của pháp luật cho các lực lượng.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

A. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tham mưu hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, chỉ huy, điều hành; xây dựng hệ thống kế hoạch, phương án PTDS cho các loại hình sự cố, thiên tai, thảm họa, chiến tranh bảo đảm linh hoạt, hiệu quả, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã.
2. Tăng cường phổ cập kiến thức, kỹ năng cơ bản về ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai cho cộng đồng, chú trọng thông tin về các loại hình sự cố, thiên tai thường xuyên xảy ra. Nâng cao năng lực ứng phó của các lực lượng và bảo đảm lương dự trữ lương thực, thực phẩm, trang thiết bị cho các địa phương.
3. Tăng cường khả năng quan sát, thông báo, báo động, kiểm tra các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố, thiên tai, thảm họa. Thường xuyên theo dõi diễn biến, phát hiện kịp thời, xử lý bước đầu và báo cáo Ban Chỉ huy các cấp; triển khai lực lượng, phương tiện, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn khi có tình huống xảy ra.

4. Tổ chức tập huấn, huấn luyện diễn tập cho các lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV, nâng cao năng lực phòng chống, ứng phó, sử dụng các trang thiết bị PTDS bảo đảm trong mọi điều kiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

5. Bảo đảm đủ các trang thiết bị, phương tiện cho các lực lượng làm nhiệm vụ, chú trọng các trang thiết bị phục vụ chỉ huy, điều hành; trang thiết bị thông báo, báo động, ghi hình; tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ những địa bàn địa hình khó khăn, khó tiếp cận; bảo đảm lương thực, thực phẩm dự trữ, dự phòng trên các hướng, khu vực có nguy cơ bị chia cắt, cô lập để chi viện kịp thời khi có tình huống xảy ra.

6. Khi có tình huống xảy ra trên địa bàn, chủ động phối hợp với các ngành, các lực lượng liên quan tiến hành các phương án di dời người và tài sản từ khu vực nguy hiểm đến khu vực an toàn; bảo đảm trang thiết bị, phương tiện, lương thực, thực phẩm và các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho người dân trong khu vực xảy ra sự cố thiên tai, thảm họa.

7. Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị bảo đảm an ninh trật tự; bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc; công tác đảm bảo nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, thuốc y tế và các vật chất cần thiết khác đến các khu vực bị cô lập.

8. Thường xuyên nắm chắc tình hình, tổng hợp kịp thời, báo cáo Ban Chỉ huy PTDS tỉnh, UBND tỉnh và cơ quan các cấp theo quy định.

B. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền các cấp, hoàn thiện cơ chế chỉ huy điều hành và hệ thống kế hoạch

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng

- Tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền, vai trò chủ trì tham mưu của cơ quan quân sự các cấp và sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể đối với hoạt động của lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV theo phương châm “4 tại chỗ”, đây là nhân tố cơ bản, quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động PTDS.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang và toàn dân trong thực hiện nhiệm vụ PTDS. Khẳng định nhiệm vụ PTDS là nhiệm vụ “*Chiến đấu trong thời bình*” của Quân đội và lực lượng DQTV. Tập trung xây dựng các tổ chức đảng ở cơ sở vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu cao, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự và nhiệm vụ phòng chống sự cố, thiên tai.

- Phát huy hiệu lực, hiệu quả hoạt động công tác đảng, công tác chính trị của các cơ quan, đơn vị, góp phần xây dựng lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV vững mạnh, toàn diện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ PTDS.

1.2. Hoàn thiện cơ chế chỉ huy, điều hành

- Cơ quan Quân sự cấp tỉnh, cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức, bổ sung chức năng nhiệm vụ, mối quan hệ công tác và quy chế phối hợp của Ban Chỉ huy PTDS phù hợp quy định và thực tiễn.

- Xây dựng quy chế hoạt động, quy chế phối hợp về PTDS, trong đó:

+ Cơ quan Quân sự địa phương là Cơ quan Thường trực Chỉ huy PTDS của Ban Chỉ huy PTDS. Chỉ huy trưởng cơ quan Quân sự cấp tỉnh, cấp xã trực tiếp chỉ huy lực lượng thuộc quyền dưới sự điều hành của Chủ tịch UBND cùng cấp;

+ Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Ban Chỉ huy phòng thủ các khu vực là lực lượng thường trực của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trên các hướng, khu vực; phối hợp với cấp ủy, chính quyền cấp xã, các lực lượng đứng chân trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ PTDS trên địa bàn được phân công;

+ Tổ chức chỉ huy, điều động lực lượng đối với BĐBP, DQTV, DBĐV được thực hiện theo điều lệnh quản lý bộ đội và quy định của pháp luật về DQTV, DBĐV.

1.3. Hoàn thiện hệ thống kế hoạch về PTDS

a) Hệ thống kế hoạch PTDS

- Kế hoạch PTDS cấp tỉnh, cấp xã được xây dựng theo chu kỳ 05 năm tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được rà soát, điều chỉnh hàng năm cho sát với địa bàn, phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng địa phương và yêu cầu nhiệm vụ PTDS.

- Cơ quan Quân sự chủ trì, phối hợp tham mưu cho UBND, hướng dẫn giúp đỡ các ban, ngành, địa phương cùng cấp xây dựng, thẩm định và phê duyệt hệ thống kế hoạch PTDS theo đúng quy định.

b) Phương án UPSCTT và TKCN

Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai cụ thể đối với từng khu vực, địa bàn, phù hợp với đặc điểm thiên tai và khả năng ứng phó của các cơ quan, các địa phương. Trong đó, chú trọng các phương án ứng phó sự cố, thiên tai cấp độ cao, như: Bão mạnh, siêu bão, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn.

2. Tổ chức, sử dụng lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ PTDS

2.1. Cấp tỉnh

a) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Trung đoàn 762, các Đại đội trực thuộc

**** Bộ đội địa phương***

- Đội cơ động ứng phó các sự cố, thiên tai: Lực lượng của các cơ quan trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Các đơn vị trực thuộc:

+ Đội cơ động ứng phó các sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả: Trung đoàn bộ binh 762.

+ Đội cơ động cứu sập: Đại đội Công binh.

+ Đội cơ động cứu thương, tải thương, phòng dịch: Bệnh xá, Đại đội Trinh sát - Cơ giới, Trung đội vận tải.

+ Đội cơ động bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc: Đại đội Công binh, Đại đội Thông tin, Trạm sửa chữa.

*** *Lực lượng DBĐV*:** Sử dụng lực lượng Tiểu đoàn Bộ binh 1 - Trung đoàn Bộ binh 762:

- Đội cơ động cứu sập: Đại đội Bộ binh 1.

- Đội cơ động cứu thương, tải thương, phòng dịch: Đại đội Bộ binh 2, Trung đội vận tải.

- Đội cơ động bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc: Trung đội Thông tin, Trung đội súng máy 12,7.

- Đội cơ động sơ tán Nhân dân, khắc phục hậu quả: Đại đội Bộ binh 3, Đại đội Cối 82.

b) Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng

- Cơ quan Ban Chỉ huy: Thành lập Đội cơ động ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Các đơn vị trực thuộc: Đội cơ động UPSCTT và TKCN: Các Đồn Biên phòng, Tiểu đoàn huấn luyện, Hải đội Biên Phòng (mỗi đơn vị thành lập 01 đội).

c) Ban Chỉ huy phòng thủ các khu vực

**** Bộ đội địa phương***

- Đội cơ động UPSCTT và TKCN: Ban Chỉ huy phòng thủ các khu vực (mỗi đơn vị thành lập 01 đội).

- Đội cơ động ứng phó sự cố thiên tai và TKCN: Tiểu đoàn hỗn hợp đảo Mê - Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 5 - Tỉnh Gia.

- Đội cơ động UPSCTT và TKCN: Đại đội hỗn hợp đảo Nẹ - Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 2 - Hà Trung.

*** *Lực lượng DBĐV*:** Mỗi tiểu đoàn DBĐV sử dụng 01 đại đội làm đội cơ động UPSCTT và TKCN, lực lượng, gồm có:

- Lực lượng cơ động cứu sập, cứu thương, tải thương.

- Lực lượng cơ động bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc.

- Lực lượng cơ động sơ tán Nhân dân, khắc phục hậu quả.

d) Lực lượng phối hợp

Các đơn vị của Công an tỉnh, lực lượng các sở, ban, ngành; các đơn vị quân đội của Bộ Quốc phòng, Quân khu 4 đứng chân trên địa bàn.

2.2. Cấp xã

a) Lực lượng DQTV

Thành lập các tổ, đội cơ động xung kích từ lực lượng Dân quân tại chỗ, Dân quân thường trực, Dân quân biển, Dân quân cơ động, cụ thể:

- Tổ chỉ huy: Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.
- Tổ thông báo, báo động: Dân quân tại chỗ của các thôn (khu phố, bản).
- Tổ cơ động UPSCCTT và TKCN: Sử dụng các Tiểu đội Dân quân thường trực, Dân quân biển.
- Đội cơ động UPSCCTT và TKCN: Mỗi Trung đội Dân quân cơ động thành lập 01 đội cơ động, lực lượng, gồm có:
 - + Lực lượng cơ động cứu sập, cứu thương, tải thương.
 - + Lực lượng cơ động bảo đảm giao thông; thông tin liên lạc.
 - + Lực lượng cơ động sơ tán Nhân dân, khắc phục hậu quả.

(Chi tiết Phụ lục 01 kèm theo)

b) Lực lượng phối hợp

Các phòng, ngành; các đơn vị đứng chân trên địa bàn xã, phường.

3. Công tác tuyên truyền

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các ngành, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, cơ chế, chính sách, kiến thức, kỹ năng và các tình huống PTDS cho các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư để mọi người hiểu đúng, đầy đủ và có khả năng chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống và ứng phó sự cố, thiên tai, giảm thiểu các thiệt hại trên địa bàn.

- Nội dung: Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục kiến thức ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; nâng cao năng lực trong các hoạt động phòng ngừa, UPSCCTT và TKCN.

- Hình thức: Trên hệ thống thông tin đại chúng, tổ chức tọa đàm, phát tờ rơi, pa nô, áp phích, các tổ xung kích xuống địa bàn, cơ sở tuyên truyền trực tiếp.

4. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập

4.1. Công tác tập huấn

- Hàng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm nhiệm vụ PTDS cấp tỉnh, cấp xã.

- Giao Ban Chỉ huy phòng thủ các khu vực tổ chức tập huấn cho các lực lượng là Đội trưởng, Tổ trưởng các đội, tổ cơ động, xung kích cấp xã.

- Nội dung tập huấn: Pháp luật có liên quan về công tác PTDS; công tác chỉ huy, điều hành xử lý các tình huống thảm họa, sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn;

hướng dẫn, sử dụng các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác PTDS.

- Thời gian tập huấn: Từ 02 đến 03 ngày.

4.2. Công tác huấn luyện

a) Huấn luyện lực lượng BĐDP

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xây dựng, biên soạn nội dung, chương trình và chỉ đạo các đơn vị BĐDP, BDBP tổ chức huấn luyện các nội dung PTDS theo quy định của Bộ Quốc phòng; đồng thời, huấn luyện bổ sung để nâng cao nghiệp vụ công tác cho các đội cơ động của lực lượng BĐDP, BDBP.

- Thời gian huấn luyện

+ Huấn luyện chương trình phổ thông: 03 ngày/năm.

+ Huấn luyện bổ sung cho các đội cơ động: 03 ngày/năm.

b) Huấn luyện lực lượng DBĐV

Hàng năm, căn cứ vào quyết định giao chỉ tiêu huấn luyện của Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị lồng ghép nội dung huấn luyện về công tác PTDS vào chương trình huấn luyện thường xuyên cho lực lượng DBĐV được huy động.

c) Huấn luyện lực lượng DQTV

- Thực hiện chương trình huấn luyện cơ bản về PTDS cho các đối tượng DQTV theo quy định.

- Tổ chức huấn luyện bổ sung các nội dung về PTDS, như: Công tác tham mưu, chỉ huy, điều hành; công tác xây dựng kế hoạch; phương án xử lý các tình huống thiên tai, sự cố; sử dụng thành thạo phương tiện, trang thiết bị phòng thủ dân sự... cho lực lượng Dân quân được biên chế vào các tổ xung kích, đội cơ động cấp xã. Thời gian huấn luyện: 03 ngày/năm.

- Căn cứ tình hình thực tế, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp tổ chức huấn luyện cho lực lượng DQTV để thực hiện nhiệm vụ PTDS trên địa bàn.

4.3. Công tác diễn tập

- Hàng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo 01 Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực hoặc Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và 05 đến 06 đơn vị cấp xã thực hiện diễn tập các nội dung PTDS; các nội dung diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ có nội dung diễn tập PTDS.

- Các xã, phường căn cứ đặc điểm, tình hình thực tế trên địa bàn, tổ chức diễn tập UPSCTT và TKCN trên địa bàn; diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ có nội dung diễn tập PTDS.

- Nội dung diễn tập

+ Vận hành cơ chế lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác PTDS.

+ Diễn tập thực binh các nội dung: Phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh. Tập trung vào các loại hình có thể xảy ra trên địa bàn, như: Bão lụt, sơ tán Nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, bảo đảm an toàn cho tàu thuyền vào nơi tránh trú, xử lý các sự cố đê điều, sập đổ công trình, sập hầm lò, xử lý các tình huống sạt lở đất đá, lũ ống, lũ quét, xử lý các tình huống cháy nổ, cháy rừng, sự cố môi trường, dịch bệnh nguy hiểm, tai nạn giao thông nghiêm trọng, tai nạn tàu thuyền trên biển.

- Thời gian thực hành diễn tập:

+ Cấp tỉnh: Từ 1,5 đến 02 ngày.

+ Cấp xã: 01 ngày.

- Tổng thời gian luyện tập và thực hành không quá 6 ngày/cuộc diễn tập.

5. Tăng cường công tác nắm tình hình, phối hợp hiệp đồng và trực sẵn sàng chiến đấu

- Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an và các lực lượng chức năng thường xuyên rà soát, nắm chắc tình hình mọi mặt của cơ quan, đơn vị, địa bàn được giao, kịp thời tổng hợp báo cáo theo phân cấp. Đồng thời, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương khẩn trương xử lý có hiệu quả các tình huống, không để bị động bất ngờ.

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, cứu nạn, cứu hộ và hoạt động của Văn phòng thường trực Chỉ huy PTDS tỉnh, Tổng đài 112 trong công tác nắm thông tin, tổng hợp tình hình, báo cáo theo phân cấp và tham mưu cho Ban Chỉ huy PTDS tỉnh xử lý kịp thời các tình huống xảy ra trên địa bàn.

- Đầu tư trang thiết bị phù hợp với từng vùng, khu vực, nhất là tại các xã, phường, Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng các trang bị quan sát, ghi hình, số hóa (flycam...), bảo đảm thông tin dự báo, cảnh báo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Ban Chỉ huy PTDS các cấp đến được với người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Trên cơ sở kế hoạch hiệp đồng giữa UBND tỉnh Thanh Hóa với các đơn vị quân đội của Bộ Quốc phòng, Quân khu 4 đứng chân trên địa bàn; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền tổ chức hiệp đồng cụ thể “tay đôi”, “tay ba” với các đơn vị về nhiệm vụ, lực lượng, phương tiện và địa bàn đảm nhiệm.

6. Tổ chức điều động lực lượng theo phân cấp, đúng quy định của pháp luật

6.1. Khi xảy ra sự cố thiên tai

- Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã điều động lực lượng Dân quân trong các tổ, đội xung kích tham gia thực hiện nhiệm vụ PTDS trên địa bàn. Đồng thời, báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực đề nghị tăng cường lực lượng, phương tiện khi vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

- Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh điều động lực lượng BĐDP, DQTV tham gia thực hiện nhiệm vụ PTDS theo đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã. Thông báo tình hình cho các đơn vị quân đội của Bộ Quốc phòng, Quân khu 4 đứng chân trên địa bàn; đồng thời, báo cáo Tư lệnh Quân khu 4 và đề nghị tăng cường lực lượng, phương tiện khi vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

6.2. Khi xảy ra các thảm họa

Ngoài việc tổ chức điều động, sử dụng lực lượng BĐDP, DQTV như khi có sự cố thiên tai, Chủ tịch UBND tỉnh điều động thêm lực lượng DBĐV tham gia thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, báo cáo xin chi viện lực lượng của Trung ương, các đơn vị quân đội của Bộ Quốc phòng, Quân khu 4 trên địa bàn.

7. Bảo đảm chế độ chính sách, cơ sở vật chất, kinh phí

7.1. Chế độ chính sách

a) Chế độ đối với người trực PTDS

Đối với lực lượng trực làm nhiệm vụ PTDS, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự.

b) Chế độ tiền lương, tiền công khi được huy động huấn luyện, diễn tập và thực hiện nhiệm vụ PTDS

- Đối với lực lượng DQTV, DBĐV: Khi huy động thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ PTDS mức trợ cấp được áp dụng theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Luật Lực lượng Dự bị động viên năm 2019, Luật Phòng thủ dân sự năm 2025, Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 09/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với Bộ đội địa phương: Được hỗ trợ tiền ăn trong quá trình tập trung tập huấn, huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ PTDS.

c) Chế độ, chính sách đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ PTDS bị ốm đau, tai nạn, bị thương hoặc tử vong

Cán bộ, chiến sỹ được huy động làm nhiệm vụ PTDS bị ốm đau, tai nạn, bị thương hoặc tử vong trong thời gian tập trung tập huấn, huấn luyện, diễn tập và thực hiện nhiệm vụ PTDS được hưởng chế độ về ốm đau, tai nạn lao động, tử tuất theo quy định của pháp luật hiện hành về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và an toàn, vệ sinh lao động.

7.2. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục trang thiết bị PTDS, Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai ban hành hướng dẫn xây dựng và củng cố Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 20/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển, nâng cao năng lực UPSCCT và TKCN đến năm 2030, định

hướng đến năm 2045 và các văn bản quy định liên quan phục vụ nhiệm vụ PTDS. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức mua sắm vật chất, trang thiết bị để bảo đảm cho huấn luyện, diễn tập và thực hiện các nhiệm vụ PTDS theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

(Chi tiết Phụ lục 02 kèm theo)

7.3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách chi cho nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự địa phương, công tác PTDS ở các cấp và Quỹ PTDS cấp tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành; ngân sách được bổ sung của các Bộ, ngành Trung ương cho công tác PTDS và các nguồn thu hợp pháp khác. Hàng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ để tổ chức thực hiện.

(Chi tiết Phụ lục 03 kèm theo)

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Năm 2025

- Hoàn thành xây dựng Đề án;
- Kiện toàn hệ thống tổ chức, bổ sung nhiệm vụ, quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy PTDS các cấp, duy trì hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Năm 2026

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ về công tác PTDS, UPSCTT và TKCN cho các lực lượng, cụ thể:
 - + Tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ PTDS của lực lượng BĐBP, BDBP, DQTV;
 - + Huấn luyện nghiệp vụ cơ bản cho 100% lực lượng BĐBP, DBĐV, DQTV biên chế trong các đội cơ động, tổ xung kích cấp tỉnh, cấp xã;
- Mua sắm vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ nhiệm vụ PTDS.

3. Từ năm 2027 đến hết năm 2029

- Hàng năm, tiếp tục tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho 100% lực lượng BĐBP, BDBP, DBĐV và tập huấn nội dung mới cho 100% cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ PTDS cấp tỉnh, cấp xã.
- Huấn luyện bổ sung cho lực lượng Dân quân năm thứ nhất mới được biên chế vào đội cơ động, tổ xung kích (mỗi năm huấn luyện 25% tổng quân số).
- Mua sắm, bổ sung nhu cầu trang bị, phương tiện phục vụ công tác PTDS.

4. Đến hết năm 2030

- 100% lực lượng BĐDP, BDBP, DBĐV, DQTV biên chế trong các đội cơ động, tổ xung kích được tập huấn, huấn luyện.
- Thực hiện mua sắm được 100% nhu cầu trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác PTDS.
- Hoàn thành 100% các mục tiêu của Đề án.
- Căn cứ tình hình thực tế nghiên cứu xây dựng Đề án giai đoạn tiếp theo.

II. NHIỆM VỤ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả; hàng năm, căn cứ tình hình thực tế để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.
- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, thẩm định việc xây dựng hệ thống kế hoạch PTDS, các phương án UPSCCTT và TKCN của tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên duy trì hoạt động hiệu quả của Văn phòng Thường trực Chỉ huy PTDS và Tổng đài 112 để kịp thời tham mưu cho Ban Chỉ huy PTDS tỉnh chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.
- Xây dựng các tổ, đội cơ động, xung kích thực hiện nhiệm vụ PTDS của lực lượng BĐDP, BDBP, DQTV theo số lượng quy định; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập nâng cao trình độ cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ.
- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức mua sắm phương tiện, trang thiết bị, công cụ bảo đảm cho huấn luyện, hoạt động của lực lượng BĐDP, BDBP, DQTV, DBĐV trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phù hợp với nhiệm vụ PTDS trên địa bàn.
- Lập dự toán ngân sách bảo đảm cho việc huy động BĐDP, DQTV, DBĐV tham gia huấn luyện, diễn tập, mua sắm trang thiết bị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.
- Định kỳ, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác PTDS ở các địa phương, cơ sở; tổng hợp báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

2. Công an tỉnh

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh ban hành quy chế phối hợp sử dụng lực lượng DQTV; hướng dẫn cơ quan, đơn vị thuộc quyền ban hành quy chế, kế hoạch phối hợp giữa lực lượng Công an với lực lượng DQTV trong các hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, UPSCCTT và TKCN; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về công tác cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng DQTV, DBĐV.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí triển khai thực hiện Đề án theo lộ trình đã xác định. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các đơn vị có liên quan thẩm định dự toán kinh phí; tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

- Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí Quỹ PTDS cấp tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện cập nhật, cung cấp tài liệu, hướng dẫn xây dựng và củng cố đội xung kích phòng, chống thiên tai ở cấp xã đảm bảo quy định của pháp luật.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động PTDS.

6. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý và căn cứ các quy định của pháp luật, tình hình thực tế, chủ động phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu xây dựng kế hoạch PTDS của tỉnh, kế hoạch PTDS của sở, ngành đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tham gia huấn luyện nâng cao năng lực cho lực lượng BĐDP, DQTV, DBĐV thực hiện nhiệm vụ PTDS trên địa bàn tỉnh.

7. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng

- Thường xuyên theo dõi nắm chắc tình hình sự cố, thiên tai khu vực địa bàn biên giới biển, đất liền; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ PTDS trên địa bàn.

- Tổ chức xây dựng và duy trì hoạt động hiệu quả các đội cơ động, xung kích thực hiện nhiệm vụ PTDS của đơn vị; xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập nâng cao trình độ cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các lực lượng trên khu vực biên giới biển, đất liền thực hiện tốt công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả khi có tình huống xảy ra trên địa bàn.

8. Ban Chỉ huy phòng thủ các khu vực 1,2,3,4,5

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình sự cố, thiên tai, thảm họa; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ PTDS trên địa bàn.

- Tổ chức xây dựng, duy trì hoạt động hiệu quả lực lượng cơ động, xung kích của BĐDP, DBĐV thực hiện nhiệm vụ PTDS trên địa bàn; phối hợp với UBND các xã, phường xây dựng và duy trì hoạt động hiệu quả của các đội cơ động, xung kích của lực lượng DQTV theo quy định của Đề án. Tổ chức tập huấn,

huấn luyện, diễn tập PTDS cho các lực lượng trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường thực hiện tốt công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả khi có tình huống PTDS xảy ra trên địa bàn.

- Phối hợp với UBND các xã, phường và các lực lượng trên địa bàn, bảo đảm đủ điều kiện hoạt động của Sở Chỉ huy tiền phương và Ban Chỉ huy PTDS tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành khi có tình huống xảy ra trên địa bàn.

- Phối hợp với các lực lượng, tổ chức tiếp nhận, quản lý, vận chuyển, cấp phát lương thực, thực phẩm, hàng dự trữ cho các địa bàn khi bị cô lập, chia cắt theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy PTDS tỉnh.

9. Đề nghị các cấp ủy Đảng

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể địa phương, cơ quan, đơn vị, tập trung xây dựng, nâng cao năng lực trong công tác PTDS để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Đề án.

10. UBND các xã, phường

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Đề án và kế hoạch thực hiện Đề án của tỉnh.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành và các kế hoạch bảo đảm cho nhiệm vụ PTDS cấp xã, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo quy định.

- Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao ý thức cảnh giác cho các tầng lớp Nhân dân tại địa phương, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa về nguy cơ và cách phòng, chống, ứng phó để giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và tài sản.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các tổ, đội cơ động xung kích tham gia thực hiện nhiệm vụ PTDS; tổ chức huấn luyện, diễn tập nâng cao trình độ ứng phó với các thảm họa, sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cho lực lượng Dân quân tự vệ theo quy định.

- Trực tiếp quản lý, sử dụng trang thiết bị được cấp phát để thực hiện nhiệm vụ PTDS. Quan tâm bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng DQTV theo quy định và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

- Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, lập dự toán ngân sách bảo đảm nhiệm vụ PTDS, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác PTDS theo quy định./.

Phụ lục 1: TỔ CHỨC SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Đơn vị	Số lượng đầu mỗi	Quân số/đầu mỗi	Tổng quân số	Đơn vị đảm nhiệm
I	Bộ đội địa phương			1.630	
A	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			60	
	Đội cơ động UPSCTT, TKCN và khắc phục hậu quả	1	60	60	Phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu Cần - Kỹ thuật
B	Trung đoàn Bộ binh 762			260	
	Đội cơ động UPSCTT, TKCN và khắc phục hậu quả	4	65	260	Trung đoàn Bộ binh 762
C	Các đơn vị trực thuộc			150	
1	Đội cơ động cứu sập	1	45	45	Đại đội Công binh 17
2	Đội cơ động cứu thương, tải thương, phòng dịch	1	60	60	Bệnh xá, Đại đội trinh sát - cơ giới, Trung đội vận tải
3	Đội cơ động bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc	1	45	45	Đại đội Thông tin 18, Trạm sửa chữa
D	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng			850	
1	Đội cơ động UPSCTT, TKCN	1	40	40	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng

2	Các Đội cơ động UPSCTT, TKCN	18	45	810	Các Đồn Biên phòng, Tiểu đoàn huấn luyện, Hải đội Biên phòng
E	Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 1,2,3,4,5			310	
1	Đội cơ động UPSCTT, TKCN	5	50	250	Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực 1,2,3,4,5
2	Đội cơ động UPSCTT, TKCN Tiểu đoàn hỗn hợp đảo Mê - Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 5 - Tỉnh Gia	1	35	35	Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 5 – Tỉnh Gia
3	Đội cơ động UPSCTT, TKCN Đại đội hỗn hợp đảo Nẹ - Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 2 - Hà Trung	1	25	25	Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 2 – Hà Trung
II	Lực lượng Dân quân tự vệ			27.656	
A	Dân quân thường trực, Dân quân biển			2.097	
1	Tổ cơ động ứng phó sự cố trên biển	17	31	527	17 Trung đội Dân quân biển
2	Tổ cơ động UPSCTT, TKCN	162	9	1.458	Tiểu đội Dân quân Thường trực của 162 xã
3	Đội cơ động UPSCTT, TKCN	4	28	112	Trung đội Dân quân Thường trực của 4 xã, phường trọng điểm
B	Dân quân cơ động, Dân quân tại chỗ			25.559	
1	Tổ chỉ huy	140	6	840	Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã trọng điểm
		26	5	130	Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã còn lại
2	Tổ thông báo, báo động	4.351	3	13.053	Dân quân tại chỗ của Thôn

3	Đội cơ động UPSCCTT, TKCN			11.536	Trung đội Dân quân cơ động của các xã, phường
3.1	Chỉ huy đội cơ động	412	1	412	Trung đội trưởng Dân quân cơ động
3.2	Lực lượng cơ động cứu sập, cứu thương, tải thương	412	9	3.708	Tiểu đội 1 - Trung đội Dân quân cơ động
3.3	Lực lượng cơ động bảo đảm giao thông; thông tin liên lạc	412	9	3.708	Tiểu đội 2 - Trung đội Dân quân cơ động
3.4	Lực lượng cơ động sơ tán Nhân dân, khắc phục hậu quả	412	9	3.708	Tiểu đội 3 - Trung đội Dân quân cơ động
III	Lực lượng Dự bị động viên (DBĐV)			2.733	
A	Cấp tỉnh (Trung đoàn DBĐV 762)			471	
1	Đội cơ động cứu sập	1	110	110	Đại đội Bộ binh 1
2	Đội cơ động cứu thương, tải thương, phòng dịch	1	138	138	Đại đội Bộ binh 2, Trung đội vận tải - Tiểu đoàn Bộ binh 1 - Trung đoàn 762
3	Đội cơ động bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc	1	63	63	Trung đội: Thông tin, Súng máy 12,7 - Tiểu đoàn Bộ binh 1 - Trung đoàn 762
4	Đội cơ động sơ tán Nhân dân, khắc phục hậu quả	1	160	160	Đại đội Bộ binh 3, Đại đội Cối 82 - Tiểu đoàn Bộ binh 1 - Trung đoàn 762
B	Lực lượng DBĐV trực thuộc Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực			2.262	
1	Đội cơ động cứu sập, cứu thương, tải thương	26	29	754	Trung đội Bộ binh 1 - Đại đội Bộ binh
2	Đội cơ động bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc	26	29	754	Trung đội Bộ binh 2 - Đại đội Bộ binh

3	Đội cơ động sơ tán nhân dân, khắc phục hậu quả	26	29	754	Trung đội Bộ binh 3 - Đại đội Bộ binh
*	Tổng quân số			32.019	

Phụ lục 2: NHU CẦU BẢO ĐẢM VẬT CHẤT CHO BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG, DÂN QUÂN TỰ VỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên trang bị, phương tiện	ĐVT	Tổng số cần bổ sung	Vật chất, trang bị BDDP				Vật chất, trang bị DQTV			Ghi chú
				Nhu cầu	Hiện có	Đề nghị Bộ Quốc phòng, Quân khu 4	Cần bổ sung	Nhu cầu	Hiện có	Cần bổ sung	
1	Xe ca chở quân (47 chỗ ngồi)	Chiếc	1	1			1				Phục vụ Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PTDS tỉnh
2	Xe tải Hyundai thùng loại 7 tấn (đặt lắp ghế ngồi trên thùng xe)	Chiếc	7	7			7				Cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (01), Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực (05), Trung đoàn 762 (01)
3	Xe chở quân 16 chỗ ngồi	Chiếc	1	1			1				Đào Mê
4	Máy xúc, đào bánh lốp (0,8m³)	Chiếc	1	1			1				Bảo đảm cho Sở Chỉ huy
5	Máy ủi bánh xích	Chiếc	1	1			1				Bảo đảm cho Sở Chỉ huy
6	Xe ô tô chỉ huy chuyên dụng	Chiếc	2	2			2				Phục vụ Cơ quan Thường trực
7	Flycam cứu nạn, cứu hộ (loại vận chuyển các trang, thiết bị cứu nạn, cứu hộ)	Chiếc	5	5			5				Bảo đảm cho 05 Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực
8	Flycam cứu hộ, cứu nạn (loại trinh sát, quan sát, chụp ảnh)	Chiếc	7	7			7				Bảo đảm cho Sở Chỉ huy của tỉnh (01), 05 Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực (05), Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (01)
9	Phao cứu hộ điều khiển từ xa	Chiếc	9	9			9				Bảo đảm cho Sở Chỉ huy (01), Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực (05), Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (02), Trung đoàn 762 (01)
10	Xuồng cao su (có lắp máy đẩy loại 25CV)	Chiếc	5	5			5				Bảo đảm cho 05 Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực (05).

TT	Tên trang bị, phương tiện	ĐVT	Tổng số cần bổ sung	Vật chất, trang bị BDDP				Vật chất, trang bị DQTV			Ghi chú
				Nhu cầu	Hiện có	Đề nghị Bộ Quốc phòng, Quân khu 4	Cần bổ sung	Nhu cầu	Hiện có	Cần bổ sung	
11	Xe ô tô tải gắn cầu tự hành (loại 7 - 10 tấn)	Chiếc	2	2			2				Trung đoàn 762 (01), Trung đội vận tải (01).
12	Giá kéo xuồng (xuồng cứu nạn, cứu hộ đa năng, xuồng 02 thân, ST 450, bộ VSN-1.500)	Chiếc	10	10			10				Bảo đảm cho các đơn vị được biên chế xuồng, Bộ VSN1500 thuận tiện cho vận chuyển đến vị trí cứu nạn, cứu hộ
13	Máy thổi gió	Chiếc	166					166	0	166	Bảo đảm cho 166 Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã
14	Máy cắt thực bì	Chiếc	166					166	0	166	Bảo đảm cho 166 Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã
15	Máy cưa xăng	Chiếc	166					166	0	166	Bảo đảm cho 166 Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã
16	Máy phát điện 10KVA	Cái	5	5			5				Bảo đảm 05 Đồn Biên phòng tuyến biên giới
17	Nhà bạt loại 24,75 m ²	Cái	166					166	0	166	Bảo đảm cho 166 Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã
18	Phao bè	Chiếc	332					332	0	332	Bảo đảm cho 166 Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã
19	Áo phao cứu sinh	Chiếc	4.500	1.600	350	250	1.000	5.500	2.000	3.500	Biên chế cho 30% quân số các đơn vị
20	Phao cứu hộ tròn	Chiếc	3.000	1.000	320	180	500	4.000	1.500	2.500	Biên chế cho 20% quân số các đơn vị
21	Súng bắn dây mồi	Khẩu	10	18	8		10				Bảo đảm cho các đơn vị miền núi
22	Tàu vận tải vỏ sắt 30 tấn	Chiếc	1	1			1				Đào Mê
23	Tàu vận tải vỏ sắt 15 tấn	Chiếc	1	1			1				Đào Nẹ

TT	Tên trang bị, phương tiện	ĐVT	Tổng số cần bổ sung	Vật chất, trang bị BDDP				Vật chất, trang bị DQTV			Ghi chú
				Nhu cầu	Hiện có	Đề nghị Bộ Quốc phòng, Quân khu 4	Cần bổ sung	Nhu cầu	Hiện có	Cần bổ sung	
24	Xây nhà kho dự trữ trang bị tại các khu vực có nguy cơ bị chia cắt, cô lập	Nhà	8	8		0	8				Khu vực các xã: Mường Lát, Quang Chiêu, Mường Chanh, Pù Nhi (01); Tam Chung, Mường Lý, Nhi Sơn (01); Trung Lý, Hiền Kiệt (01); Na Mèo, Sơn Thủy, Mường Mìn (01); Trung Sơn, Trung Thành, Phú Lệ (01); Cổ Lũng, Pù Luông (01); Tam Thanh, Tam Lư (01); Bát Mọt, Yên Nhân, Vạn Xuân, Xuân Chinh (01).
25	Gạo dự trữ	kg	25.000	25.000	0	0	25.000				Bảo đảm lượng dự trữ cho các tỉnh hưởng tại 05 Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực, Đoàn Biên phòng
26	Lương khô	kg	25.000	25.000	0	0	25.000				Bảo đảm lượng dự trữ cho các tỉnh hưởng xảy ra tại 05 Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực, Đoàn Biên phòng

Phụ lục 3: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
 (Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
*	Tổng cộng				240.633		76.601		54.963		45.371		52.864		10.834
I	Triển khai thực hiện Đề án, kiểm tra, chỉ đạo cơ sở, sơ kết, tổng kết				100										100
	Chỉ cho nhiệm vụ tổng kết Đề án	Lần	1	100	100									1	100
II	Chi cho tập huấn, huấn luyện, hội thao, diễn tập				100.689		41.240		16.762		16.293		16.762		9.632
1	Tập huấn cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ PTDS, UPSC TT, TKCN				1.747		349		349		349		349		349
1.1	Vật chất, nhiên liệu, bảo đảm thao trường bãi tập, văn phòng phẩm bảo đảm cho lớp tập huấn	Năm	5	195	975	1	195	1	195	1	195	1	195	1	195
1.2	Hỗ trợ tiền ăn: 03 ngày/năm x 72.000đ/người/ngày = 216.000đ/người/năm x 715 đồng chỉ (03 cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã/xã x 166 xã + 06 cán bộ Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực x 5 Ban + 42 đ/c Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng + 85 cán bộ cơ quan và đơn vị trực thuộc + 20 đ/c đội mẫu và bộ phận phục vụ lớp tập huấn x 3 lớp)	Năm	5	154	772	1	154	1	154	1	154	1	154	1	154
2	Tập huấn cho nhân viên điều khiển phương tiện thủy nội địa và sử dụng các trang bị phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn				1.301		260		260		260		260		260
2.1	Vật chất, thao trường bãi tập, văn phòng phẩm bảo đảm cho lớp tập huấn	Năm	5	75	375	1	75	1	75	1	75	1	75	1	75
2.2	Nhiên liệu cho các phương tiện tập huấn: 6 phương tiện xuống x 5 giờ/ngày x 30 lít/giờ x 19.500 đ/lít xăng + 4 xe ô tô kéo, chở xuống, chở quân x 0,4/100km x 250km/1phương tiện/ ngày x 17.500 đ/lít (dầu DO) x 6 ngày (4 ngày huấn luyện, 2 ngày tập huấn)	Năm	5	147	735	1	147	1	147	1	147	1	147	1	147
2.3	Hỗ trợ tiền ăn cho Đội mẫu huấn luyện trước khi tập huấn: 05 ngày/năm x 72.000đ/người/ngày = 360.000đ x 40 đồng chỉ	Năm	5	14	72	1	14	1	14	1	14	1	14	1	14
2.4	Hỗ trợ tiền ăn cho lớp tập huấn: 02 ngày/năm x 72.000đ/người/ ngày = 144.000đ/người/năm x 165 đồng chỉ (40 đ/c lái xuống + 15 cán bộ Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực + 25 đ/c cán bộ Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng + 45 cán bộ thuộc Bộ đội địa phương của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh + 40 đ/c đội mẫu).	Năm	5	24	119	1	24	1	24	1	24	1	24	1	24
3	Hội thao, hội thi cứu nạn, cứu hộ (Năm 2027, năm 2029)				940				470				470		
3.1	Văn phòng phẩm, nước uống bảo đảm cho hội thao	Năm	2	95	190			1	95			1	95		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
3.2	Vật chất, trang bị, nhiên liệu bảo đảm cho hội thao, hội thi	Năm	2	120	240			1	120			1	120		
3.3	Hỗ trợ tiền ăn: 02 ngày/năm x 72.000đ/người/ngày = 144.000đ/người/năm x 1.770 đồng/chí (10 đ/c Ban CHQS cấp xã/xã x 166 xã + 10 cán bộ Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực x 5 cụm + 10 đ/c Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng + 10 đ/c các đơn vị trực thuộc x 5 đơn vị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)	Năm	2	255	510			1	255			1	255		
4	Chi cho huấn luyện Bộ đội địa phương (trừ lực lượng Bộ đội Biên phòng)				1.592		318		318		318		318		318
4.1	Hỗ trợ tiền ăn: 03 ngày/năm x 72.000đ/người/ngày = 216.000đ/người/năm x 780 người	Năm	5	168	842	1	168	1	168	1	168	1	168	1	168
4.2	Vật chất bảo đảm cho huấn luyện: Văn phòng phẩm, biên soạn tài liệu, bảo đảm vật chất: 10.000.000đ/đầu mỗi/năm x 15 đầu mỗi	Năm	5	150	750	1	150	1	150	1	150	1	150	1	150
5	Chi cho huấn luyện DQTV				68.465		33.651		8.704		8.704		8.704		8.704
5.1	Chi trả trợ cấp ngày công lao động (cho các Trung đội Dân quân cơ động, Dân quân thường trực, Dân quân biển, các tổ xung kích các thôn: 26.686 đ/c) trong thời gian tập trung huấn luyện 03 ngày/năm x 327.600đ/người/ngày = 982.800 đ/người/năm. Năm 2026, huấn luyện 100% Dân quân được biên chế vào các đội cơ động, tổ xung kích; các năm còn lại huấn luyện cho Dân quân năm thứ nhất (tương ứng 25% tổng quân số Dân quân) (Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 09/4/2025 của HĐND tỉnh).	Năm	5		53.407		26.227		6.795		6.795		6.795		6.795
5.2	Bảo đảm tiền ăn: 03 ngày/năm x 72.000đ/người/ngày = 648.000đ/người/năm.	Năm	5		11.738		5.764		1.493		1.493		1.493		1.493
5.3	Vật chất bảo đảm cho huấn luyện: Văn phòng phẩm, biên soạn tài liệu, bảo đảm vật chất: 10.000.000đ/đầu mỗi/năm x 166 đầu mỗi	Năm	5		3.320		1.660		415		415		415		415
6	Chi cho diễn tập: Diễn tập các tình huống phát sinh, khẩn cấp, bảo lụt, hỏa hoạn thiên tai				26.644		6.661		6.661		6.661		6.661		
6.1	Vật chất, trang bị, nhiên liệu của các ngành diễn tập khẩn cấp trong năm: 2.500.000.000/02 cuộc/năm	Năm	4	5.000	20.000	1	5.000	1	5.000	1	5.000	1	5.000		
6.2	Chi trả trợ cấp lao động cho lực lượng Dân quân tham gia huấn luyện và tổ chức diễn tập 8 Trung đội Dân quân cơ động: 224 đ/c x 7 ngày x 327.600 đ/người/ngày x 02 cuộc/năm.	Năm	4	1.027	4.109	1	1.027	1	1.027	1	1.027	1	1.027		
6.3	Bảo đảm tiền ăn cho các ngày luyện tập: 05 ngày/lần/năm x 72.000đ/người/ngày = 432.000đ/người/lần x 450 người (Dân quân cơ động 224 đ/c, Bộ đội địa phương, lực lượng khác 226 đ/c) x 2 cuộc/năm.	Năm	4	324	1.296	1	324	1	324	1	324	1	324		
6.4	Hỗ trợ tiền ăn thêm cho ngày diễn tập chính thức: 02 ngày/lần/năm x 172.000đ/người/ngày = 334.000đ/người/lần x 450 người (Dân quân cơ động 224 đ/c, Bộ đội địa phương, lực lượng khác 226 đ/c) x 2 cuộc/năm.	Năm	4	310	1.238	1	310	1	310	1	310	1	310		
III	Kinh phí bảo quản, bảo dưỡng các phương tiện, trang bị PTDS				3.173		635		635		635		635		635
1	Bảo quản, bảo dưỡng tàu, xuồng, máy phát điện (45 pt x 3.500.000đ/pt/năm)	Năm	5	158	788	1	158	1	158	1	158	1	158	1	158

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng	Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
						Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
2	Bảo quản, bảo dưỡng trang bị phòng cháy, chữa cháy, cứu sập (60 pt x 750.000d/phương tiện/năm)	Năm	5	45	225	1	45	1	45	1	45	1	45	1	45
3	Nhiên liệu nổ máy tàu xuồng, máy phát điện (45 pt x 9.600.000/pt/năm)	Năm	5	432	2.160	1	432	1	432	1	432	1	432	1	432
IV	Kinh phí bảo đảm vật chất, trang bị cho BĐDP, DQTV				136.671		34.726		37.567		28.444		35.468		468
1	Xe ca chở quân (47 chỗ ngồi)	Chiếc	1	4.250	4.250	1	4.250								
2	Xe tải Hyundai thùng loại 7 tấn (đặt lắp ghế ngồi trên thùng xe)	Chiếc	7	1.250	8.750	7	8.750								
3	Xe chở quân 16 chỗ ngồi	Chiếc	1	1.350	1.350	1	1.350								
4	Máy xúc, đào bánh lốp (0,8m³)	Chiếc	1	4.650	4.650	1	4.650								
5	Máy ủi bánh xích	Chiếc	1	3.200	3.200	1	3.200								
6	Xuồng cao su (có lắp máy đẩy loại 25CV)	Chiếc	5	350	1.750	5	1.750								
7	Xe ô tô chỉ huy chuyên dụng	Chiếc	1	3.580	3.580	1	3.580								
8	Flycam cứu nạn, cứu hộ (loại vận chuyển các trang, thiết bị cứu nạn, cứu hộ)	Chiếc	5	1.860	9.300	1	1.860	4	7.440						
9	Flycam cứu nạn, cứu hộ (loại trinh sát, quan sát, chụp ảnh)	Chiếc	7	1.268	8.876	2	2.536	5	6.340						
10	Phao cứu hộ điều khiển từ xa	Cái	9	320	2.880	2	640	7	2.240						
11	Xe ô tô tải gắn cầu tự hành	Chiếc	2	2.160	4.320	1	2.160	1	2.160						
12	Giá kéo xuồng (xuồng cứu nạn, cứu hộ đa năng, xuồng 02 thân, ST 450)	Chiếc	10	120	1.200			10	1.200						
13	Máy thổi gió	Chiếc	166	19,5	3.237			166	3.237						
14	Máy cắt thực bì	Chiếc	166	10,5	1.743			166	1.743						
15	Máy cưa xăng	Chiếc	166	16,5	2.739			166	2.739						
16	Máy phát điện loại 10 KVA	Cái	10	165	1.650					10	1.650				
17	Nhà bạt loại 24,75 m²	Cái	166	26,5	4.399					166	4.399				
18	Phao bè	Chiếc	332	18,5	6.142					332	6.142				
19	Áo phao cứu sinh	Cái	4.500	0,55	2.475					4.500	2.475				
20	Phao cứu hộ tròn	Cái	3.000	0,45	1.350					3.000	1.350				
21	Súng bắn dây mồi	khẩu	10	196	1.960					10	1.960				
22	Tàu vận tải vỏ sắt 30 tấn	Chiếc	1	20.000	20.000							1	20.000		
23	Tàu vận tải vỏ sắt 15 tấn	Chiếc	1	15.000	15.000							1	15.000		
24	Xây nhà kho dự trữ	Cái	8	2.500	20.000			4	10.000	4	10.000				
25	Gạo dự trữ	kg	20.000	0,0185	370			5.000	93	5.000	93	5.000	93	5.000	93
26	Lương khô	kg	20.000	0,075	1.500			5.000	375	5.000	375	5.000	375	5.000	375